

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 135/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08- 12 - 2023.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình về ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Phụng**
2. Ông **Phan Quốc Tiến**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 08/12/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 575/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Văn Thị G, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ M, ấp B, xã Bình Hàng T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Trần Hoàng A, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã Bình Hàng T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị G và anh Hoàng A có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 26/10/2023 chị Văn Thị G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Hoàng A qua tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu sống chung

vợ chồng vẫn hạnh phúc. Thời gian sau, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân do anh Hoàng A say sấn, không quan tâm, lo lắng cho vợ con. Nhiều lần chị G cho anh Hoàng A cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoàng A.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hoàng D, sinh ngày 09/01/2015, hiện đang sống cùng với anh Hoàng A. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng.

Tại phiên hòa giải, chị G thay đổi yêu cầu khởi kiện. Chị G đồng ý giao con chung tên Trần Hoàng D cho anh Hoàng A nuôi dưỡng, chị G không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản hoà giải ngày 26/10/2023, bị đơn anh Trần Hoàng A trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Hoàng A thừa nhận thời gian chung sống với nhau, cũng như việc vợ chồng không có đăng ký kết hôn như chị G trình bày. Vợ chồng sống chung do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn với nhau là đúng. Nay vợ chồng không xây dựng được hạnh phúc nên anh Hoàng A cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hoàng D, sinh ngày 09/01/2015, hiện đang sống cùng với anh Hoàng A. Khi ly hôn, anh Hoàng A yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

+ Căn cước công dân Văn Thị G (bản photo);

+ Giấy khai sinh Trần Hoàng D (bản sao);

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp:

+ Căn cước công dân Trần Hoàng A (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Văn Thị G về việc yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoàng A nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã Bình Hàng T, huyện Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị Văn Thị G và anh Trần Hoàng A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị G và anh Hoàng A.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Chị Văn Thị G và anh Trần Hoàng A chung sống với nhau vào năm 2014, nhưng chị G và anh Hoàng A không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình sống chung, chị G và anh Hoàng A không xây dựng được hạnh phúc gia đình nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng A. Tuy nhiên, do chị G và anh Hoàng A sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét việc yêu cầu xin ly hôn của chị G. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Do đó, không công nhận chị Văn Thị G và anh Trần Hoàng A là vợ chồng.

- *Về con chung:* Trong quá trình sống chung chị G và anh Hoàng A có 01 con chung tên Trần Hoàng D, sinh ngày 09/01/2015, hiện đang sống cùng với anh Hoàng A. Khi ly hôn, chị G đồng ý giao con chung cho anh Hoàng A nuôi dưỡng, chị G không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay con chung đang sống với anh Hoàng A phát triển và được chăm sóc tốt điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu D. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như

sự phát triển của cháu D, nên việc chị G đồng ý để anh Hoàng A nuôi cháu D, không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên chấp nhận.

Chị Văn Thị G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị G và anh Hoàng A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị G phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp theo biên lai số 0004452 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Văn Thị G và anh Trần Hoàng A là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Trần Hoàng A được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Hoàng D, sinh ngày 09/01/2015. Chị Văn Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Hoàng A không có yêu cầu. Chị Văn Thị G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Văn Thị G phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp theo biên lai số 0004452 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trịnh Hữu Chính